

Phần thứ nhất

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động đặc thù trong lĩnh vực thủy lợi, sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu của công ty là diện tích tưới, tiêu mà công ty phục vụ cho địa bàn huyện Xuân Trường và Giao Thủy. Diện tích tưới, tiêu công ty thực hiện năm 2020 là: 49.625,3 ha.

Tổng số lao động bình quân của Công ty trong năm 2020 là 198 người (07 viên chức quản lý và 191 người lao động). Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm: 01 Chủ tịch; 01 Giám đốc; 04 Phó Giám đốc; 05 phòng ban chuyên môn; 07 cụm sản xuất.

Nội dung kiểm tra: kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy.

Thời gian tiến hành kiểm tra: Từ ngày 09/12/2021 đến ngày 10/12/2021.

Giới hạn kiểm tra: Đoàn kiểm tra chỉ căn cứ vào Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 ngày 04/11/2020 của Đoàn kiểm tra phòng Tài chính Doanh nghiệp - Sở Tài chính; báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính, hồ sơ, chứng từ do đơn vị cung cấp, không tiến hành xác minh hóa đơn, chứng từ, công nợ phải thu, phải trả, không chứng kiến việc kiểm kê tài sản, quỹ tiền mặt, không kiểm tra việc quản lý, sử dụng biên chế và lao động hợp đồng.

Phần thứ hai

KẾT QUẢ KIỂM TRA

I. SỐ LIỆU KIỂM TRA

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

II. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN:

Báo cáo tài chính năm 2020 của đơn vị đã được Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á thực hiện kiểm toán theo quy định (Báo cáo kiểm toán số 18/2021/AEA/BCTC lập ngày 22/02/2021).

Khái quát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm tài chính như sau:

- Doanh thu thực hiện năm 2020 là: 60.599 triệu đồng, đạt 110% so với kế hoạch. Giảm so với năm 2019 là 10.967 triệu đồng, tương ứng giảm 15%.

- Về lợi nhuận kế toán sau thuế thực hiện năm 2020 là: 519 triệu đồng, bằng 108% kế hoạch năm 2020, bằng 47% so với thực hiện năm 2019.

- Vốn chủ sở hữu (Chỉ tiêu 410 – BCĐKT) tại ngày 31/12/2020 là: 838.309 triệu đồng, tăng so với cùng kỳ năm 2019 là: 8.688 triệu đồng tương ứng tăng 0,01%.

Đoàn kiểm tra chỉ thực hiện kiểm tra đối với một số nội dung sau:

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị:

Tổng tài sản của công ty trong năm 2020 là 844.712.146.006 đồng. Trong đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình của công ty là 949.439.443.596 đồng, tăng so với năm 2019 là 56.932.880.255 đồng. Do trong năm, công ty đã có sự thay đổi trong nguyên giá tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc tăng: 49.587.706.955.000 đồng;
- Máy móc thiết bị: tăng 40.600.000 đồng; giảm 44.000.000 đồng;
- Thiết bị dụng cụ quản lý: tăng 133.100.000 đồng
- Công trình khác tăng 7.256.340.300 đồng; giảm 40.867.000 đồng.

2. Việc thực hiện quỹ tiền lương tại đơn vị:

Quỹ tiền lương, thù lao năm 2020 của đơn vị đã được xác định và thực hiện theo quy định tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP, Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Cụ thể:

- Quỹ tiền lương của người quản lý:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1722/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 là: 1.966.680.000 đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 là: 1.916.609.000 đồng.

Mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách: 21.780.488 đồng/người/tháng. Mức thù lao bình quân của kiểm soát viên không chuyên trách: 3.628.028 đồng/người/tháng.

- Quỹ tiền lương của người lao động trong công ty:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động đã được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội xác định và báo cáo UBND tỉnh tại văn bản số 1189/SLĐTBXH-LĐTL ngày 13/7/2020 là: 17.166.435.948 đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động là: 17.166.435.948 đồng và đã được UBND tỉnh đồng ý tiếp nhận tại văn bản số 217/UBND-VP7 ngày 23/4/2021. Tuy nhiên, quỹ lương thực tế công ty chi trả người lao động là 15.204.245.000 đồng.

Tồn tại:

- Công ty chi trả tiền cơm ca cho một số cá nhân vượt mức 730.000 đồng/tháng, không đúng theo quy định tại khoản 4 điều 22 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và khoản 4 điều 25 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Công ty đang thực hiện chi trả 100% lương cho người quản lý chuyên trách tại công ty là không phù hợp với quy định tại khoản khoản 4 điều 3 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: “Hàng tháng, người quản lý công ty được tạm ứng bằng 80% của số tiền lương, thù lao tạm tính cho tháng đó; số 20% còn lại được quyết toán và chi trả vào cuối năm.”

3. Việc thực hiện các quy định về nộp ngân sách nhà nước (theo số liệu báo cáo của công ty):

Chỉ tiêu	Số năm trước chuyển sang	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển năm sau
- Thuế GTGT	(232.252.849)	539.752.636	539.752.636	(232.252.849)
- Thuế TNDN	94.851.324	114.637.762	203.451.324	6.037.762
- Thuế TNCN	15.911.800	58.647.000	74.558.800	
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất		44.993.234	45.101.210	(107.976)
- Thuế môn bài		3.000.000	3.000.000	
Tổng	(121.489.725)	761.030.632	865.863.970	(226.323.063)
Phải thu	232.252.849			232.360.825
Phải nộp	110.763.124			6.037.762

Đến thời điểm kiểm tra, số tiền thuế còn phải nộp đơn vị đã thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước.

4. Công nợ phải trả và Công nợ phải thu:

Tổng nợ phải trả đến 31/12/2020: 6.402.496.072 đồng, toàn bộ là Nợ ngắn hạn gồm: Phải trả người bán ngắn hạn là 1.250.272.430 đồng; Thuế và các khoản phải nộp nhà nước là 6.037.762 đồng; Phải trả người lao động: 772.584.000 đồng; Phải trả ngắn hạn khác: 4.341.205.416 đồng; Quỹ khen thưởng phúc lợi: 32.396.464 đồng.

Tổng nợ phải thu đến 31/12/2020: 4.063.059.820 đồng gồm: Phải thu khách hàng: 2.091.004.820 đồng; Trả trước cho người bán ngắn hạn: 81.996.000 đồng; Phải thu ngắn hạn khác: 1.940.059.000 đồng; Dự phòng phải thu khó đòi: -50.000.000 đồng.

5. Việc phân phối lợi nhuận, chi các khoản chi có tính chất khen thưởng phúc lợi trong năm 2020:

a. Về phương án phân phối lợi nhuận:

- Đối với lợi nhuận năm 2019, đơn vị đã phân phối như sau:

+ Trích nộp bổ sung thuế TNDN năm 2018 (theo khoản 2, điều 31, Nghị định 91/2015/NĐ-CP): 32.493.000 đồng.

+ Trích Quỹ đầu tư phát triển: 0 đồng.

+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 1.066.508.935 đồng.

Ngày 02/7/2021, công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Quyết định số 1390/QĐ-UBND.

- Đối với lợi nhuận năm 2020, đơn vị chưa phân phối nhưng đã trích một phần lợi nhuận để nộp thuế TNDN theo Quyết định số 46/QĐ-STC ngày 06/4/2020 của Sở Tài chính về việc thu hồi nộp Ngân sách Nhà nước các khoản tiền phát hiện qua Thanh tra Tài chính; số tiền là 28.600.000 đồng. Phần lợi nhuận còn lại công ty theo dõi trên tài khoản 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

b. Về trích và chi các khoản chi có tính chất khen thưởng phúc lợi:

+ Trong năm 2020, công ty đã thực hiện chi các khoản chi có tính chất phúc lợi trong tài khoản 6278 với tổng số tiền là 1.167.000.000 đồng đảm bảo theo quy định chưa vượt 01 tháng lương thực hiện năm 2020; Chi khen thưởng trong tài khoản 627 là 678.768.000 đồng.

+ Đối với Quỹ khen thưởng phúc lợi, công ty đã dùng để chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân năm 2019 là 921.024.000 đồng; chi khen thưởng là 254.202.000 đồng.

Tồn tại:

Trong năm đơn vị đã sử dụng quỹ phúc lợi để chi chúc mừng đại hội, mua hoa, đi đám hiếu các cơ quan tổ chức, đơn vị là đối tượng bên ngoài công ty chưa phù hợp theo quy định tại khoản 4, Điều 32 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

6. Việc chấp hành các quy định về chứng từ kế toán.

Chi phí giải toả vận hành công trình công ty trên tài khoản 627 tổng chi phí là 1.208.287.000. Đây là hoạt động công ty ký kết hợp đồng với các Hợp tác xã hoặc UBND xã trên địa bàn theo đề án của hai huyện Giao Thủy, Xuân Trường trong năm thực hiện việc vét bèo rác trên tuyến kênh cấp 1, kênh cấp 2, kênh liên xã và quản lý vận hành cống, đập cấp 2. Chứng từ kế toán công ty có Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng, Biên bản nghiệm thu thanh toán theo quý, Bản tổng hợp nghiệm thu, Biên bản nghiệm thu hàng tháng. Tuy nhiên, chứng từ kế toán của chi phí ký kết với Hợp tác xã không có hoá đơn tài chính của Hợp tác xã. Theo giải trình của công ty, công ty đã nhiều lần đôn đốc các HTX xuất hóa đơn tài chính nhưng các HTX không xuất được hóa đơn.

7. Về chi phí tu bổ, sửa chữa công trình:

7.1. Rà soát danh mục công trình theo Thông báo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Năm 2020, Sở Nông nghiệp & PTNT ban hành 02 Thông báo danh mục tu bổ, sửa chữa công trình thủy lợi năm 2020 cho Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy:

- Thông báo số 100/TB-SNN ngày 09/10/2019 gồm 106 hạng mục nạo vét + xây đúc và sửa chữa kênh mương, công đập, nhà quản lý, máy móc, thiết bị; sửa chữa đột xuất tổng kinh phí sửa chữa công trình 34.432,32 triệu đồng (trong đó, nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020: 25.494,32 triệu, nguồn khấu hao TSCĐ 2.638 triệu đồng; còn lại 4.000 triệu đồng bố trí năm 2021).

- Thông báo số 179B/TB-SNN ngày 21/01/2020 về việc bổ sung danh mục sửa chữa công trình thủy lợi năm 2020 với kinh phí: 838,531 triệu đồng (gồm 02 hạng mục bằng nguồn khấu hao TSCĐ).

a. Tình hình thực hiện Thông báo sửa chữa công trình của Công ty như sau:

* Tình hình thực hiện Thông báo số 100/TB-SNN ngày 09/10/2019 :

- Tổng kinh phí công trình thực hiện theo Thông báo: 20.870,614 triệu đồng (trong đó, nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 17.520,349 triệu đồng; nguồn Khấu hao TSCĐ: 2.811,778 triệu đồng; bố trí năm tiếp theo 538,487 triệu đồng) bao gồm:

+ 01 hạng mục công trình cân đối bằng nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019 (KCH Đoạn cuối kênh Chợ Đê A);

+ 03 hạng mục không làm;

+ 01 hạng mục công trình (KCH kênh Thảo Khoản) bố trí tiếp năm 2021 với kinh phí 538,488 triệu.

+ 90 hạng mục sửa chữa công trình bằng nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 với kinh phí: 15.497,293 triệu đồng;

+ Xử lý đột xuất 11 hạng mục công trình với kinh phí: 1.158,144 triệu đồng

+ 12 hạng mục sửa chữa bằng nguồn khấu hao TSCĐ với kinh phí: 2.811,778 triệu đồng;

+ Sửa chữa thay thế phụ tùng, sửa chữa mái đá các cống, kênh: 864,913 triệu đồng.

* Tình hình thực hiện Thông báo số 179B/TB-SNN ngày 21/01/2020:

Tổng kinh phí thực hiện Thông báo 792,677 triệu đồng (gồm 02 hạng mục sửa chữa công trình bằng nguồn khấu hao TSCĐ).

b. Tình hình thực hiện Kinh phí sửa chữa công trình của Công ty như sau:

Theo Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch năm 2020 cho Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy: Kế hoạch chi sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi là 24.837,354 triệu đồng (trong đó, nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 21.199,354 triệu đồng; nguồn Khấu hao TSCĐ: 3.638 triệu đồng).

Như vậy, tổng kinh phí sửa chữa công trình thủy lợi bằng nguồn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2020 của Công ty là: thực hiện/kế hoạch = 21.669,858 triệu/21.199,354 triệu (đạt 102,22% so với Quyết định số 2066/QĐ-UBND của UBND tỉnh giao); Nguồn khấu hao TSCĐ: Thực hiện/Kế hoạch = 3.604,455 triệu đồng/3.638 triệu đồng = 99,08%.

Trong đó:

- KP hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích TL năm 2020 gồm:
 - + Các hạng mục sửa chữa công trình theo Thông báo 100/TB-SNN với kinh phí: 17.520,349 triệu đồng;
 - + Bố trí đối ứng cho Dự án Nâng cấp mở rộng công Ngõ Đồng (theo QĐ 1430/QĐ-UBND): 983,252 triệu đồng;
 - + Khởi thông dòng chảy: 3.166,257 triệu đồng.
- 01 hạng mục công trình (KCH kênh Thảo Khoản) bố trí tiếp năm 2021 với kinh phí 538,488 triệu đồng.
- Kinh phí thực hiện sửa chữa công trình bằng nguồn Khấu hao tài sản cố định là 3.604,455 triệu đồng gồm:
 - + Các hạng mục công trình thực hiện theo Thông báo 100/TB-SNN với kinh phí: 2.811,778 triệu đồng .
 - + 02 hạng mục sửa chữa công trình theo Thông báo 179B/TB-SNN với kinh phí: 792,677 triệu đồng.

7.2. Về trình tự, thủ tục quản lý đầu tư xây dựng cơ bản tại công ty:

Theo báo cáo số 61/BC-CT ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy, căn cứ trên Thông báo danh mục sửa chữa công trình của Sở Nông nghiệp và PTNT, công ty đã cân đối nguồn vốn hàng năm và thực hiện chi sửa chữa công trình với tổng giá trị là 25.274.313.282 đồng (trong đó: từ nguồn hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là 21.669.858.327 đồng; từ nguồn khấu hao TSCĐ 3.604.454.955 đồng). Do thời gian của đoàn có hạn nên Đoàn kiểm tra chỉ giới hạn kiểm tra trong phạm vi về trình tự, thủ tục quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Các nội dung khác liên quan đến sửa chữa công trình đề nghị Chủ tịch Công ty kiểm tra, rà soát và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu và pháp luật.

Đoàn kiểm tra đã chọn xác suất 05 công trình để tiến hành kiểm tra:

- Công trình Nạo vét kênh Cát xuyên 6 (đoạn cuối); tổng dự toán công trình 130.176.000 đồng.
- Công trình Cầu thông nước trên kênh Hàng Tổng (cầu Trùng Nguyên); tổng dự toán công trình 496.496.000 đồng.
- Công trình Sửa chữa Kênh Nguyễn Văn Bé (từ dốc Vạn Xuân đến cống Cai Đề); tổng dự toán công trình 765.000.000 đồng.

- Công trình Nạo vét cửa cống số 9; tổng dự toán công trình 167.331.000 đồng.
- Công trình Kênh TT4 đoạn cuối; tổng dự toán công trình 906.896.513 đồng.

** Đánh giá, nhận xét:*

- Đối với công trình lớn hơn 500 triệu đồng đã được Sở Nông nghiệp & PTNT thẩm định cơ bản đảm bảo theo quy định của Luật Xây dựng, Luật đấu thầu.
- Đối công trình dưới 500 triệu đồng:
 - + Về cơ bản thủ tục đầu tư xây dựng tuân thủ theo quy định hiện hành.
 - + Một số nội dung đề nghị Công ty rút kinh nghiệm và hoàn thiện để đảm bảo quy định về đầu tư xây dựng, cụ thể:
 - Về trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu: Công ty đã quyết định chỉ định thầu và thực hiện ký hợp đồng khi chưa phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu làm căn cứ để lựa chọn nhà thầu.
 - Các công trình, hạng mục công trình yêu cầu cần phải có Quyết định trúng thầu đối với các hoạt động tương ứng để triển khai công trình theo quy định.
 - Một số công trình Công ty mới chỉ căn cứ vào kinh nghiệm làm việc để giao nhiệm vụ, khảo sát lập báo cáo KTKT cho các cá nhân dẫn đến tình trạng một số cá nhân chưa có chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực phù hợp theo quy định.
 - Một số công trình, hạng mục công trình chưa đảm bảo tuân thủ theo Hồ sơ quản lý chất lượng yêu cầu phải có: Các biên bản lấy mẫu thí nghiệm, kết quả nén mẫu hiện trường đối với bê tông, đất đắp..., thiết kế cấp phối mác vữa xây, thiết kế cấp phối bê tông...

7.3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện tu bổ, sửa chữa công trình: Đến năm 2020 Công ty không nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện tu bổ, sửa chữa công trình bằng các nguồn vốn.

8. Kết quả lãi lỗ:

- Lợi nhuận kế toán sau thuế trước khi kiểm tra: 518.517.685 đồng;
- Lợi nhuận kế toán sau thuế sau khi kiểm tra: 518.517.685 đồng.

**Phần thứ ba
KIẾN NGHỊ**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thuế, Luật Kế toán và các văn bản có liên quan đến chế độ chính sách quản lý tài chính của Nhà nước đã ban hành; căn cứ vào kết quả kiểm tra tại Công ty TNHH MTV KTCTTL Xuân Thủy. Đoàn Kiểm tra kiến nghị:

Đề nghị Lãnh đạo công ty chỉ đạo bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan rút kinh nghiệm, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại nêu trên đồng thời thực hiện:

- Chi trả tiền ăn ca theo đúng quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đề nghị công ty thực hiện chi lương cho người quản lý chuyên trách theo quy định tại khoản khoản 4 điều 3 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Sử dụng Quỹ phúc lợi đảm bảo theo quy định tại khoản 4, Điều 32 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ.

- Đối với khoản chi phí giải toả vận hành công trình của công ty với các Hợp tác xã, đề nghị công ty làm việc với các Hợp tác xã để cung cấp hoá đơn đầy đủ; hoàn thiện chứng từ kế toán phù hợp quy định.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán tại công ty theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Về tu bổ, sửa chữa công trình

+ Đối với Hồ sơ pháp lý một số công trình, hạng mục công trình mà Đoàn đã chọn xác suất kiểm tra chưa đảm bảo theo quy định đề nghị Chủ tịch Công ty chỉ đạo các cá nhân, bộ phận có liên quan rà soát, hoàn thiện lại hồ sơ của tất cả các công trình đã thực hiện năm 2020 và năm 2021 đồng thời tiến hành chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với các cá nhân, bộ phận có liên quan để triển khai đảm bảo theo đúng quy định trong những năm tiếp theo.

+ Việc kiểm tra của Đoàn không thay thế trách nhiệm của Công ty trong việc quản lý, triển khai và tổ chức thực hiện các công trình, hạng mục công trình theo các quy định về pháp luật có liên quan về đầu tư xây dựng.

- Đề nghị Công ty chỉ đạo các bộ phận chuyên môn rút kinh nghiệm các nội dung sai sót, còn thiếu, chưa đúng trình tự theo quy định hiện hành; thường xuyên cập nhật các chế độ, chính sách, định mức để tổ chức thực hiện tuân thủ theo quy định.

Biên bản được lập thành 03 bản có nội dung và giá trị như nhau, 01 bản lưu tại Sở Tài chính, 01 bản lưu tại Sở Nông nghiệp & phát triển nông thôn, 01 bản lưu tại đơn vị./.

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
SỞ NN&PTNT SỞ TÀI CHÍNH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hiệu



Vũ Thị Thái



Nguyễn Thị Phương



Đặng Mạnh Dương

HỮU
3
TÍNH
ĐINH

KẾT QUẢ KIỂM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL XUÂN THỦY

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	SỐ Q. TOÁN CỦA DN	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH	
				TĂNG	GIẢM
A	TỔNG TÀI SẢN	844.712.146.006	844.712.146.006		
I	Tài sản ngắn hạn	15.305.363.529	15.305.363.529		
1	Vốn bằng tiền	8.404.211.999	8.404.211.999		
	- Tiền	5.904.211.999	5.904.211.999		
	- Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	2.500.000.000		
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	424.008.214	424.008.214		
	- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	424.008.214	424.008.214		
	- DP giảm giá đ.tư ngắn hạn				
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	4.063.059.820	4.063.059.820		
	- Phải thu khách hàng	2.091.004.820	2.091.004.820		
	- Trả trước cho người bán	81.996.000	81.996.000		
	- Phải thu nội bộ ngắn hạn				
	- Phải thu về cho vay ngắn hạn				
	- Các khoản phải thu khác	1.940.059.000	1.940.059.000		
	- Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(50.000.000)	(50.000.000)		
4	Hàng tồn kho	2.020.482.856	2.020.482.856		
	- Hàng tồn kho	2.020.482.856	2.020.482.856		
	- Dự phòng giảm giá HTK				
5	Tài sản ngắn hạn khác	393.600.640	393.600.640		
	- Chi phí trả trước ngắn hạn				
	- Thuế GTGT được khấu trừ	161.239.815	161.239.815		
	- Thuế và các khoản khoản p.thu NN	232.360.825	232.360.825		
	- Tài sản ngắn hạn khác				
II	Tài sản dài hạn	829.406.782.477	829.406.782.477		
1	Các khoản phải thu dài hạn				
	- Phải thu dài hạn của khách hàng				
	- Phải thu dài hạn nội bộ				
	- Phải thu dài hạn khác				
	- Dự phòng p.thu dài hạn khó đòi (*)				
2	Tài sản cố định hữu hình	827.962.683.816	827.962.683.816		
	- Nguyên giá TSCĐ	949.439.443.596	949.439.443.596		
	- Tổng giá trị hao mòn lũy kế	(121.476.759.780)	(121.476.759.780)		
3	Tài sản cố định vô hình	369.783.831	369.783.831		
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	783.899.546	783.899.546		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(414.115.715)	(414.115.715)		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn				
	- Đầu tư vào công ty con				
	- Đầu tư vào CT liên kết, liên doanh				
	- Đầu tư dài hạn khác				
	- Dự phòng giảm giá Đ.Tư TC dài hạn				
5	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31.232.000	31.232.000		
6	Tài sản dài hạn khác	1.043.082.830	1.043.082.830		
	- Chi phí trả trước dài hạn	1.043.082.830	1.043.082.830		
	- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				

